

GÓP THÊM Ý KIẾN VỀ VAI TRÒ CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ VIỆT NAM TRONG LỊCH SỬ

*(Qua tìm hiểu ý nghĩa của tín ngưỡng thờ Mẫu
đối với đời sống văn hoá Việt Nam)*

Đỗ Hoà Hới

Khoa Triết học

Dại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, ĐHQG Hà Nội

Đã có rất nhiều công trình nghiên cứu sâu sắc trên nhiều khía cạnh về vai trò của người phụ nữ Việt Nam trong lịch sử. Tuy vậy vai trò của họ trong đời sống "hiện thực thứ nhất" đó đã được phản ánh, "thăng hoa" thể hiện vào "đời sống thứ hai" đời sống văn hóa tinh thần, tâm linh đậm nhạt ra sao? Hiện tượng thờ Mẫu có phải là tiêu biểu cho truyền thống tôn trọng phụ nữ trong lịch sử Việt Nam không? Cho đến nay, số lượng các công trình nghiên cứu về vấn đề này vẫn còn khiêm tốn và còn có nhiều nhận định khác nhau cần được tiếp tục trao đổi thêm.

Một số nhà nghiên cứu cho rằng, trong lịch sử Việt Nam, phụ nữ có vai trò vô cùng to lớn, một truyền thống tôn trọng phụ nữ, văn hoá Việt Nam tồn tại và phát triển dựa trên "Nguyên lý Mẹ". Vai trò quan trọng của phụ nữ đã được tôn vinh "thần thánh hoá" bằng tín ngưỡng thờ Mẫu. Người Việt Nam thờ rất nhiều các Bà, các Cô, các Mẫu, có năng lực và phẩm chất "siêu trần" có thể ban phúc hay giáng họa cho cuộc sống con người. Rằng, hiện tượng tín ngưỡng thờ Mẫu rất phổ biến, cần phải được coi đó là một đạo - Đạo Mẫu. Rằng, chính tín ngưỡng thờ Mẫu mới đích thực là tín ngưỡng bản địa, là "Đạo nhà", nó

còn có nhiều vai trò quan trọng, nhiều ý nghĩa giá trị trong cuộc sống hôm nay ⁽¹⁾.

Một số ý kiến khác cho rằng, dù tồn tại có rất nhiều dấu tích minh chứng cho thuyết "trọng nữ" thì trong thực tế lịch sử dân tộc ta, từ khi Nho giáo xâm nhập vào đã giữ một vị trí quan trọng trong kiến trúc thượng tầng của xã hội phong kiến Việt Nam. Nho giáo đã ảnh hưởng, chi phối với tư cách là cốt lõi của ý thức hệ phong kiến tới các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Trong tiến trình thâm nhập, nó đã có sự kết hợp với các tín ngưỡng, tôn giáo cổ truyền và tôn giáo lớn như Phật giáo, Đạo giáo... tạo lên thiết chế đời sống tinh thần, tâm linh chuyển dần sang hướng khẳng định chế độ phụ quyền phong kiến gia trưởng, dần tạo nên quan niệm quan phương, quan niệm chính thống "trọng nam khinh nữ", tạo nên một tập quán không tốt trong lịch sử.

Trong bối cảnh sản xuất xã hội ngày càng phát triển đã xuất hiện các tôn giáo ngày càng đa dạng, hoàn chỉnh hơn, tín ngưỡng thờ Mẫu dần nhường chỗ và rút khỏi các vị trí chính yếu để lui vào "Khiêm cung", "Hậu cung" ở các đền, phủ, quán... Như vậy không thể coi nó là đại diện tiêu biểu cho đời sống văn hoá tâm linh, "Chính điện" của chế độ phong kiến Việt Nam trong lịch sử. Nó chỉ có ý nghĩa phụ trợ mờ nhạt trong cuộc sống hiện nay ⁽²⁾.

⁽¹⁾ Xin xem: - Vũ Ngọc Khánh 1984. *Vấn đề Nữ thần* - Hội nghị khoa học Viện Dân tộc học.
- Vũ Ngọc Khánh - 2001. *Đạo Thánh ở Việt Nam* - NXB Văn hoá thông tin. HN. tr. 420 - 244 .
- Đinh Gia Khánh - 1991. *Nho giáo với văn hoá dân gian ở Việt Nam và hiện tượng đình làng. Nho giáo xưa và nay*. NXB KHXH. HN. tr. 175 - 205.
- Mai Trung Hậu (:) *Chữ Hán và Nho giáo đầu có phải là truyền thống văn hoá của dân tộc Việt Nam*. Nghiên cứu lý luận số (.....) tr. 41 - 43
- Trần Quốc Vương: 1982. *Về truyền thống dân tộc*. Tạp chí Cộng sản số 1, 1982 tr. 163 - 174
- Nguyễn Đăng Duy. 2000. *Văn hoá tâm linh*. NXB Văn hoá, Hà Nội.

⁽²⁾ Xin xem: - Vũ Khiêu: 1994. *Nhân dân Việt Nam dưới tác động của Khổng giáo*. Nho giáo tại Việt Nam NXB KHXH. Hà Nội. tr.236 - 293.
- Trần Đình Hượu. 1995. *Đến hiện đại từ truyền thống*. NXB Văn hoá. Hà Nội .
- Marian Darce Frennier. 1995. *Phụ nữ Việt Nam trong môi trường Nho giáo: Góp phần nghiên cứu những nguyên nhân của bước suy sụp đầu tiên trong địa vị của phụ nữ Đông Á trong gia đình và địa vị người phụ nữ trong xã hội. Cách nhìn từ Việt Nam và Hoa Kỳ*. NXB KHXH. Hà Nội . tr 279 - 312.
- Nguyễn Tài Thư. 1998. *Nho học và nho học tại Việt Nam*. NXB KHXH. HN.

...

Trong các công trình nghiên cứu của mình, các tác giả của hai xu hướng trên đây đều đưa ra những cứ liệu xác thực. Tuy nhiên, chúng ta không chỉ căn cứ vào một số "loại" cứ liệu này mà bỏ qua một số "loại" cứ liệu khác. Để tránh khỏi "thiên kiến", chúng ta cần có nhiều góc nhìn tìm ra các cứ liệu và đặt các cứ liệu trên vào điều kiện lịch sử cụ thể của xã hội Việt Nam trong tiến trình lịch sử, từ đó mới có thể đưa ra các nhận xét về vai trò, của tín thờ Mẫu này trong toàn bộ chiều dài lịch sử cũng như ý nghĩa cuộc sống của nó đối với cuộc sống hôm nay.

Để góp phần làm sáng tỏ vấn đề trên, chúng tôi xin trình bày một số suy nghĩ sau đây:

Chúng tôi tán thành với ý kiến cho rằng tín ngưỡng thờ Mẫu là một tín ngưỡng dân gian có nguồn gốc cổ xưa mang tính phổ biến của toàn nhân loại, nó "đồng thời" và "đồng tính" với chế độ Mẫu hệ. Chế độ Mẫu hệ là chế độ sơ khởi của mọi xã hội. Trong thời kỳ đó, mọi quan hệ của con người với cộng đồng và với tự nhiên đều mang tính cụ thể, trực tiếp, gắn bó cảm tính và mọi mục tiêu và mọi mong ước của con người hướng tập trung vào "mong", "cầu" sự nuôi dưỡng, che chở, ban phát phần thực của Mẹ Tự nhiên, Mẹ Đất... Từ đó dần dần hình thành biểu tượng Mẹ Tự nhiên, Mẹ Đất, Mẹ Sông, Mẹ Núi...Mẹ của loài người, Mẹ của tộc người. Các bà mẹ lớn đều có năng lực phi phạm "sinh" và "dưỡng". Nguyên lí Mẹ trong hiện thực và trong lí tưởng đó là cội rễ đầu tiên của các nền văn hoá, vừa là nguyên nhân vừa là động lực thúc đẩy xã hội loài người vận động và phát triển. Tín ngưỡng thờ Mẫu được hình thành lúc đầu không khỏi mang tính nguyên sơ, nguyên thủy.

Theo Ph. Ăngghen, thời kỳ tiếp theo cùng với sự phát triển của sức sản xuất, một trong những cuộc cách mạng triệt để nhất mà loài người đã trải qua, cũng mang tính phổ biến toàn nhân loại đó là cuộc cách mạng chuyển từ xã hội mẫu hệ sang xã hội phụ hệ, từ chế độ mẫu quyền sang chế độ phụ quyền, các quan hệ của con người với cộng đồng, với tự nhiên đều có sự thay đổi mang tính cách mạng đã từ từ diễn ra. Từ đó đến nay đã mấy chục nghìn năm, xã hội loài người chuyển sang chế độ phụ quyền, nhiều tập tính của con người đã dần dần thay đổi. Chế độ phụ quyền gia trưởng dần hình thành và phát triển sớm, muộn ở các

vùng đất khác nhau trên thế giới. Theo tài liệu cổ sử, chế độ phụ quyền gia trưởng ở Việt Nam xuất hiện ít nhất từ đầu thời đại vua Hùng dựng nước. Vậy là chế độ phụ quyền ở Việt Nam đã có lịch sử mấy nghìn năm tồn tại. Nhìn về đại thể, chế độ phụ quyền đã dần xác lập các quan hệ hiện thực để trên đó hình thành nên các truyền thống, tập quán, quan niệm tương ứng. Tư tưởng phụ quyền, gia trưởng đã dần phát triển đến mức cao dưới thời phong kiến. Nó dần dần xác lập vị trí chủ đạo của nguyên lý Bố trong đời sống tín ngưỡng, tâm linh, hạn chế phạm vi ảnh hưởng của nguyên lý Mẹ. Tín ngưỡng thờ Mẫu vì vậy muốn được bảo lưu tồn tại cũng đã có sự biến đổi thích ứng phù hợp với tương quan mới trong hiện thực, tùy theo hoàn cảnh lịch sử cụ thể của các vùng, miền trên thế giới mà có các biến đổi cụ thể chứ không thể hoàn toàn giống nhau như hình thái đầu tiên.

Không còn nghi ngờ gì nữa, ở phương Đông nói chung và ở Việt Nam nói riêng, nguyên lý chung của lịch sử nhân loại đã phát huy ảnh hưởng. Tuy vậy, do hoàn cảnh đặc thù ⁽³⁾ mà chế độ phong kiến gia trưởng của Việt Nam đã hình thành một cách chậm chạp, không điển hình, tiến trình phong kiến hoá chế độ thuộc phương thức sản xuất châu Á diễn ra một cách không triệt để, xã hội tuy chuyển sang chế độ Phụ quyền nhưng còn bảo lưu nhiều yếu tố của chế độ Mẫu quyền, nhiều hình thức sinh hoạt văn hoá cổ xưa vẫn tồn tại. Điều này thể hiện cụ thể trong đời sống tinh thần, đời sống tín ngưỡng, tâm linh, một trong những hình thức có tính bảo thủ bền vững hơn, có tính tách biệt độc lập tương đối hơn so với cơ sở hạ tầng của hình thái kinh tế xã hội, nó có mối quan hệ ít mang tính ý thức hệ hơn so với các loại hình ý thức xã hội khác là tín ngưỡng thờ Mẫu cổ xưa đã không bị mất đi. Tuy là di sản của quá khứ nhưng nó vẫn tìm được cơ sở xã hội để tồn tại và phát triển, tiếp tục được nhiều thế hệ người Việt Nam duy trì qua các triều đại phong kiến. Tín ngưỡng thờ Mẫu phản ánh các quan hệ của con người có tính ổn định tương đối với cộng đồng, với tự nhiên dù xã hội có

⁽³⁾ Về tiến trình phong kiến hoá chế độ thuộc phương thức sản xuất châu Á của Việt Nam xin chú ý đến các đặc điểm sau: Lực lượng sản xuất kém phát triển, đồng thời còn tồn tại nhiều trình độ sản xuất khác nhau, liên tục đấu tranh chống ngoại xâm, chống thiên tai, chống Hán hoá. Xin xem: Nguyễn Hồng Phong, 2000. *Về hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử*. NXB KHXH. Hà Nội.

những thay đổi, biến chuyển phát triển thêm các quan hệ mới, có khi vô là quan hệ mới nhưng nội dung cốt lõi vẫn như cũ. Điều đáng nói là có thêm những nét mới trong tương quan mới.

Sự phát triển không điển hình, hình thái kinh tế xã hội mới ra đời còn bảo lưu mang trong lòng nhiều "trầm tích" của các hình thái kinh tế xã hội trước đó giống như Việt Nam ngày nay đã được biết đến như là một "kiểu loại" tương đối "phổ biến", điều đó được phản ánh vào trong đời sống tín ngưỡng dân tộc Việt Nam và nhiều dân tộc khác có hiện tượng "trầm tích" tương tự. Dưới thời đại phong kiến phụ quyền, tín ngưỡng thờ Mẫu tuy không phải chiếm vị trí, vai trò chủ đạo của đời sống tôn giáo, tín ngưỡng như một số người khẳng định, nhưng nói rằng nó đã mất hẳn địa vị, chỉ còn rất mờ nhạt thì cũng không có tính thuyết phục. Nếu chỉ dừng lại với một trong hai khuynh hướng nêu trên thì có thể tìm thấy rất nhiều ví dụ phản bác trong các công trình nghiên cứu về tín ngưỡng thờ Mẫu ở thế giới và ở Việt Nam. Trong chế độ phụ hệ, tín ngưỡng thờ Mẫu tuy không được coi là chính thống, nhưng vẫn được duy trì và phát triển lên dưới thời phong kiến vừa như là di sản quá khứ, vừa như thành tố "đương đại" có cơ sở trong xã hội phong kiến. Vì vậy nó vừa là một lực lượng góp phần khẳng định sức mạnh bền vững của cội nguồn văn hoá dân tộc, phản ánh thái độ tình cảm tự nhiên của con người, lòng biết ơn của các thế hệ con cháu đối với Mẹ sinh thành, với Mẹ Núi, Mẹ Sông, Mẹ Đất - Nước Việt Nam, vừa như là một lực lượng khẳng định sự khác biệt độc đáo của văn hoá dân tộc. Tín ngưỡng thờ Mẫu đã góp phần bảo lưu sự phát triển tâm hồn, tinh cảm cao đẹp, tự nhiên thuần khiết, bảo vệ và phát huy bản sắc văn hoá độc đáo của nhân dân ta. Tuy vậy, cần phải nói ngay rằng, trong tiến trình lịch sử phong kiến hoá ở Việt Nam thì các tôn giáo được giai cấp phong kiến hỗ trợ chính thống như Nho - Phật - Lão ngày càng bén rễ sâu rộng và phát huy tác dụng đến nhiều lĩnh vực khác nhau, khiến cho tín ngưỡng thờ Mẫu không còn ở vị trí "chính đạo", "chính điện" và phạm vi tác động ảnh hưởng của nó không còn phổ biến như giai đoạn trước. Chế độ phong kiến sử dụng một số yếu tố tín ngưỡng đạo Mẫu vào việc phục vụ có lợi cho nó, nhưng chỉ với tư cách bổ trợ chứ không được coi là giá trị phổ biến. Nguyên lý Mẹ không bị phủ định hoàn toàn nhưng cũng không đạt tới là nguyên lý phổ quát. Điều đó hạn chế cả mặt tích cực

của nó cũng như đánh mất sự thuần khiết của nó. Có một thực tế là lịch sử của chế độ phong kiến gia trưởng Việt Nam đã tạo ra những thiết chế của tề "phân biệt nam nữ", đưa ra nhiều điều cấm kỵ hạn chế quyền tự do của phụ nữ. Trong chế độ đó, người phụ nữ phải chịu bao áp bức, bất công, là người chịu thua thiệt nhiều nhất trong các quan hệ⁽⁴⁾. Khổng tử được coi là "Vạn thế sư biểu" và các vị sáng lập Nho giáo đã quan niệm "phụ nhân nan hoá" - (người phụ nữ khó nuôi dạy), "phu phụ hữu biệt" - phân biệt đề cao vai trò của người chồng, người cha, coi nhẹ hạ thấp vai trò người vợ - "chồng xướng vợ tùy", đặt người vợ vào chỗ lệ thuộc, thụ động như "tam tông, tứ đức", "tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử". Lễ giáo phong kiến đã cột chặt người phụ nữ vào sợi dây oan nghiệt, tước bỏ của họ mọi quyền tự do tối thiểu của con người. Họ bị cách ly với mọi hoạt động xã hội. Ngay trong mái ấm gia đình nhiều phụ nữ chỉ giữ địa vị không hơn người ăn kẻ ở trong nhà bao nhiêu. Trong nhiều gia đình, người vợ phải tần tảo kiếm sống nuôi cả gia đình, cả chồng lẫn con, và phải chăm lo tất cả mọi công việc trong nhà mà không hề được kêu ca, vì "phải giữ lễ". "Trọng nam, khinh nữ" là di hại của chế độ phong kiến phụ quyền gia trưởng đã gây ra sự bất bình đẳng giới sâu sắc trong xã hội.

Tuy vậy, trong xã hội có áp bức bất công sẽ luôn xuất hiện sự đấu tranh chống lại áp bức bất công. Vì thế mà trong kho tàng văn hoá dân gian Việt Nam còn có nhiều tục ngữ, ca dao, nhiều chuyện cười, chuyện ngụ ngôn, huyền tích, huyền thoại, phong tục, tập quán, tín ngưỡng phản kháng lại sự bất công nói chung và bình đẳng giới nói riêng. Trong chừng mực đó, tín ngưỡng thờ Mẫu nói lên nguyện vọng, mơ ước được giải phóng, được tự do, tự chủ của một nửa xã hội. Khi độc lập dân tộc luôn bị uy hiếp, tiếng nói đó đồng thanh, tương ứng với tiếng nói khẳng định đòi độc lập tự chủ của cả dân tộc nên được nhiều thế hệ con cháu

(4) Xin xem: - Hồ Chí Minh .1986. *Nam nữ bình quyền toàn tập*, tập 6, NXB Sự thật. Hà Nội. tr. 198.

- Hồ Chí Minh 1985 Toàn tập, tập 2, NXB Sự thật. Hà Nội. tr 219.

- Đào Duy Anh. 1938. *Khổng giáo - phê bình tiểu luận*. NXB Quan Hải Tùng Thư. Huế.

- Trần Văn Giàu: *Đạo đức Nho giáo và đạo đức truyền thống Việt Nam*. Triết học, số 1, 1978. tr.33-50.

- Vũ Khiêu 1995. *Nho giáo và đạo đức*. NXB KHXH. Hà Nội.

- Nguyễn Tài Thư. 1987. *Xã hội phong kiến và sự phát triển con người Việt Nam trong lịch sử*. Triết học số 3/1987 tr 33 - 39.

Việt Nam duy trì, phát triển như là một nét độc đáo của bản sắc văn hoá dân tộc. Đạo thờ Mẫu với nguồn gốc cổ xưa tôn thờ năng lực sinh và dưỡng của Mẹ tự nhiên đã dần thích ứng công việc: trồng trọt - chăn nuôi - dệt vải - văn nghệ - quản lý gia đình, xã hội... Danh sách các nữ thần ngày một nhiều thêm cùng với sự phát triển của các làng, bản, phường, xã trên khắp đất nước. Những người phụ nữ tài năng có công trong các lĩnh vực khác nhau của sự nghiệp xây dựng và giữ gìn đất nước được nhân dân tôn thờ, thần thánh hoá ngày một nhiều hơn mang lại nhiều giá trị mới cho tín ngưỡng thờ Mẫu, thờ Nữ thần và điều đó làm tăng sức sống cho đời sống tín ngưỡng dân tộc đến ngày nay.

Trong các giai đoạn suy yếu của Nho giáo cùng với sự hưng khởi của Phật giáo, Đạo giáo tín ngưỡng thờ Mẫu cũng có sự hưng khởi, có khi là dưới "màu cờ, sắc áo" của Phật giáo, Đạo giáo có khi trộn lẫn cả vật linh giáo, Tôtem giáo, Saman giáo,... rất khó tách biệt. Ngoài những mặt tích cực trên đây, tín ngưỡng thờ Mẫu còn mang nhiều yếu tố mê tín, lạc hậu, phản tiến bộ như là dấu tích bảo thủ, lạc hậu của một thời kỳ mà trình độ làm chủ tự nhiên, làm chủ xã hội, làm chủ bản thân mình của con người còn rất sơ khai. Như thế tín ngưỡng thờ Mẫu cũng có những mặt trái giống như tập quán "trọng nam khinh nữ" do Khổng giáo đưa lại, tín ngưỡng thờ Mẫu cũng tạo ra những tập quán xấu như các tục sinh hoạt tính giao tự do ở một số nơi, một số biểu hiện phóng túng trong quan niệm về sự chung thủy của vợ chồng, sự lệch lạc về kết cấu gia đình... Do đó cần có sự nghiên cứu lọc bỏ những điểm mà ngày nay không còn phù hợp với yêu cầu xã hội.

* * *

*

Qua một số phân tích trên đây, chúng tôi cho rằng vai trò quan trọng của người phụ nữ Việt Nam trong lịch sử là một thực tế không thể phủ nhận. Vai trò đó được phản ánh trong đời sống tín ngưỡng tâm linh, hình thành sớm một tín ngưỡng thờ Mẫu mang tính bản địa trước khi có sự xâm nhập của các tôn giáo tín ngưỡng khác nhau trong chế độ phong kiến phụ quyền. Tuy vậy, do đặc điểm đặc thù của lịch sử Việt Nam mà tín ngưỡng đó vẫn được bảo lưu, duy trì và phát triển vừa như một di sản của quá khứ vừa như một thành tố hiện diện trong đời sống

đương đại và nó còn đất để bám rễ phát triển. Bên cạnh ý nghĩa như một yếu tố văn hoá là cội nguồn của văn hoá dân tộc, khẳng định bản sắc văn hoá dân tộc, làm phong phú hệ giá trị của văn hoá dân tộc thì tín ngưỡng thờ Mẫu còn có thể được nhìn nhận như là lĩnh vực còn chứa đựng nhiều tiềm năng để phát huy sự nghiệp giải phóng phụ nữ nếu chúng chú ý nghiên cứu khai thác một cách có định hướng đúng đắn các giá trị tốt đẹp và tách bỏ những mặt không còn phù hợp với điều kiện mới. Đó là một công việc đang đòi hỏi sự nghiên cứu công phu của nhiều người.

Trên đây là một số suy nghĩ bước đầu chúng tôi mạnh dạn trình bày, mong được trao đổi và chỉ giáo.